

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CẢ NƯỚC
KHU VỰC NÔNG THÔN
Tháng 01 năm 2013

Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 01 NĂM 2013 SO VỚI		
	<i>Kỳ gốc năm 2009</i>	<i>Tháng 1 năm 2012</i>	<i>Tháng 12 năm 2012</i>
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	149,39	107,44	101,36
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	152,62	100,85	101,47
1- Lương thực	141,01	93,87	100,11
2- Thực phẩm	155,60	101,24	102,08
3- Ăn uống ngoài gia đình	156,87	109,57	100,73
II, Đồ uống và thuốc lá	132,81	104,18	100,45
III, May mặc, mũ nón, giày dép	140,15	108,67	101,29
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	158,49	107,67	100,38
V, Thiết bị và đồ dùng gia đình	127,62	106,15	100,64
VI, Thuốc và dịch vụ y tế	182,75	164,66	107,76
Trong đó: Dịch vụ y tế	208,86	191,93	109,61
VII, Giao thông	144,76	106,02	100,04
VIII, Bưu chính viễn thông	88,52	99,57	99,99
IX, Giáo dục	182,40	117,40	100,30
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	200,12	119,67	100,33
X, Văn hoá, giải trí và du lịch	119,03	104,34	100,29
XI, Hàng hoá và dịch vụ khác	145,43	109,79	100,86